

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 44/2021/HS-ST
Ngày 13 - 7 - 2022

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Long.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Trang;

Ông Đặng Văn Chính.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử công khai, sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 40/2022/TLST-HS ngày 21 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Q, sinh ngày 12/9/1992; nơi cư trú: Xóm 7, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Viết L (đã chết) và bà Nguyễn Thị R; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị N, sinh năm 1995; có 03 con, con lớn sinh năm 2014 và con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt quả tang và tạm giữ từ ngày 03/4/2022 đến ngày 09/4/2022 chuyển tạm giam cho đến nay; “có mặt”.

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị Thảo D, sinh năm 2006; nơi cư trú: Xóm 2, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; vắng mặt;

- Người đại diện hợp pháp của bị hại: Chị Tổng Thị N, sinh năm 1980; nơi cư trú: Xóm 2, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. vắng mặt.

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn Đ, vắng mặt.

- Người chứng kiến:

1. Ông Phạm Văn S; vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị N; có mặt.

3. Anh Vũ Đức C; vắng mặt.
4. Ông Nguyễn Viết T; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 03/4/2022, Nguyễn Văn Q, sinh năm 1992, địa chỉ: Xóm 7, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định một mình điều khiển xe mô tô BKS 18P1 – 6133 từ nhà ở xóm 7, xã X đến nhà thờ Cát Phú thuộc xóm 2, xã X mục đích trộm cắp tài sản bán lấy tiền chi tiêu. Khoảng 16 giờ 20 phút cùng ngày. Q đến nơi để xe bên trong sân nhà thờ rồi đi bộ trong khuôn viên nhà thờ thấy có đông giáo dân đến nhà thờ đi lễ và dựng xe mô tô, xe máy điện trong sân nhà thờ, không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp xe. Q thấy cháu Nguyễn Thị Thảo D, sinh năm 2006 trú tại xóm 2, xã X đi xe máy điện nhãn hiệu Hon da M133 – S10 màu đen không có biển kiểm soát đi đến và dựng xe ở cạnh tháp chuông bên trái nhà thờ rồi đi vào trong nhà thờ dự lễ. Q tiến đến lén lút dắt chiếc xe máy điện ra đến cổng nhà thờ thì bị quần chúng nhân dân phát hiện giữ lại và trình báo Công an xã X. Công an xã X đã tiến hành mời người chứng kiến, lập biên bản tiếp nhận người bị bắt quả tang, thu giữ chiếc xe điện Q vừa chiếm đoạt được và chiếc xe mô tô BKS 18P1 – 6113 Quan vừa sử dụng.

Cùng ngày cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn Quan nhưng không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Tại cơ quan điều tra, Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Tại kết luận định giá tài sản số 78/KL-HĐĐG ngày 06/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Xuân Trường kết luận: Chiếc xe máy điện nhãn hiệu Hon da loại xe M133-S10, màu sơn đen, sản xuất năm 2021, tại thời điểm chiếm đoạt ngày 03/4/2022 có giá 3.000.000 đồng.

Cháu Nguyễn Thị Thảo D và gia đình đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì về dân sự.

Cáo trạng số 41/CT-VKS ngày 20/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường đã truy tố hành vi của Nguyễn Văn Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phân tích về nhân thân các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Q và giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh và hình phạt chính: Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự:

- + Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
- + Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q từ 01 năm đến 01 năm 3 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Hòa cảnh kinh tế gia đình bị cáo khó khăn đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” như nội dung vụ án đã nêu, bị cáo công nhận Viện kiểm sát đã truy tố đúng hành vi phạm tội của mình. Trong lời nói sau cùng, bị cáo thực sự ăn năn, hối lỗi mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Xuân Trường, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc kết tội: Hành vi của bị cáo như đã khai nhận tại phiên tòa phù hợp với các lời khai tại giai đoạn điều tra, truy tố, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự; phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 16 giờ 20 phút ngày 03/4/2022, tại xóm 2, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định, Nguyễn Văn Q đã lợi dụng sơ hở lết lút chiếm đoạt 01 chiếc xe máy điện, nhãn hiệu Hon da, loại xe M133 – S10 có giá trị 3.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị Thảo D. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường đã truy tố là có căn cứ.

[3] Về tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi “Trộm cắp tài sản” của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Hành vi của bị cáo còn gây mất trật tự trị an, gây tâm ý hoang mang cho quần chúng nhân dân. Hành vi của bị cáo còn thể hiện sự liều lĩnh ngay giữa ban ngày, coi thường pháp luật. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi nhận thức được việc mình làm mục đích chiếm đoạt tài sản là cho chi tiêu cá nhân nên cần phải xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là phạm tội đối với người dưới 16 tuổi theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về việc làm của mình; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51

của Bộ luật Hình sự

[5] Về hình phạt: Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian thì mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và răn đe, đấu tranh phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[7] Trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Nguyễn Thị Thảo D và gia đình đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[8] Đối với chiếc xe máy BKS 18P1- 6133 mà Q sử dụng đi trộm cắp tài sản. Trong quá trình điều tra xác minh chiếc xe đó là của chị Nguyễn Thị N (vợ của Quan) chị Ngoãn không biết Q sử dụng chiếc xe đó để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại chiếc xe đó cho chị Ngoãn là phù hợp pháp luật.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, đại diện của bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/4/2022.

2. Án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Q phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt được quyền

kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện;
- UBND xã X;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Đại diện bị hại
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Ngọc Long

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Chính Trần Văn Trang

Phạm Ngọc Long

